

SƠ LƯỢC TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ GIÁO DỤC NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

© Trần Văn Đạt, Ph.D.

Nguồn: [Cựu Học Sinh Tổng Phước Hiệp Vĩnh Long](#)



Bộ Canh Nông – Sg © tongphuochiep

Khi con người bắt đầu có chút ít nhận thức sự ổn định cuộc sống để tồn tại và phát triển cũng là lúc nền **Nông nghiệp sơ khai** bắt đầu trong nền văn hóa Hòa Bình cách nay khoảng 10.000 năm. Trước đó, con người chỉ biết di chuyển từ nơi này đến chỗ khác và sống lầy lắt để kiếm ăn giống như loài thú, nhưng khôn

ngoan hơn! Đến khi họ biết sống thành bầy, nhóm, các **Bộ lạc trồng lúa** xuất hiện trên đất Việt cổ và Đông Nam Á độ 5.000-6.000 năm, họ vẫn còn thay đổi nơi cư trú với đời sống du canh, nhưng mức độ ít hơn. Khi mực nước biển rút đi, người Việt cổ di chuyển xuống nơi thấp hơn để sinh sống và hoạt động nông nghiệp tại các vùng đồi, đất cao, đồng bằng, đầm nước hay ven sông, biển.

Từ đó, nền **Nông nghiệp lúa nước** bắt đầu xuất hiện cách nay khoảng 4.000 năm và phát triển mạnh trong nền văn hóa Đông Sơn. Sự khám phá hàng loạt trống đồng Đông Sơn từ Thanh Hóa đến đồng bằng sông Hồng, với các hoa văn trồng lúa, chăn nuôi, nai hươu, chim cò, vượt biển, giã gạo, bồ lúa, thạp đồng... minh chứng sự hiện diện nền nông nghiệp tiến bộ cách nay ít nhất 2.600 năm.

1- Quản lý nông nghiệp qua các Triều đại quân chủ

Từ thời đại Hùng Vương về sau, các triều đại quân chủ quan tâm nhiều đến các ngành nghề nông nghiệp qua một số chính sách để thu thuế, làm đầy kho lương thực, tăng thu nhập quan viên, đồng thời cung cấp việc làm cho người dân. Lúc ban đầu, họ chỉ biết khai thác, lợi dụng nông dân, chưa biết tổ chức, giáo dục họ để phát triển sản xuất. Chỉ có **Lễ Tịch điền** được các nhà vua từ thời Cổ Đại ra lệnh tổ chức hàng năm để cầu an, mưa thuận gió hòa; trong khi nông dân làng xã tổ chức lễ Hạ điền, lễ Thượng điền, lễ Mừng thóc mới, Tạ ơn trời đất... (1).

Hùng Vương (2.700-2.200): Theo Lĩnh Nam Chích Quái, "... Lạc Long Quân dạy dân việc cày cấy làm ruộng... phát nương đốt rẫy. Đất sản xuất được nhiều gạo nếp".

Thời Bắc thuộc (179 trước CN – 938 sau CN): Ngoài những phát minh của dân tộc về dẫn nước tưới ruộng, cày cấy, nông dân bắt chước kinh nghiệm của người Hoa trong chăn nuôi, sử dụng cày cuốc sắt...

Thời Lê Hoàn (980-1005), theo truyền thuyết nhà vua đến cày ruộng ở núi Đọi và núi Bàn Hải (Hà Nam) làm xới bật lên hũ vàng và hũ bạc, nên gọi "*ruộng vàng và ruộng bạc*", nhằm khuyến khích người dân tăng gia sản xuất. Ông còn ra lệnh thúc đẩy dân chúng cày cấy, sử dụng giống lúa của ruộng Tịch Điền.

Nhà Lý (1010-1225) thi hành chính sách "*ngụ binh ư nông*" còn gọi *chế độ quân điền* cho lính về quê làm vườn để vừa ít tốn phí nuôi quân vừa tăng gia sản xuất. Nhà nước cho xây đê đập để trị thủy, tiến hành đo đạc, lập sổ điền bạ để đóng thuế.

Nhà Trần (1226-1400) đẩy mạnh chánh sách khẩn hoang, ra lệnh cho vương hầu, tôn tử chiêu mộ các phần tử lưu tán đi khẩn hoang để tăng diện tích canh tác. Nhà nước lập ra chức vụ *Chánh và phó đồn điền sứ*, cũng như chức *Hà đê chánh và phó sứ* để bảo vệ đê đập sông Hồng. Ngoài ra, nhà Trần còn dùng chánh sách "*cáo điền hoành*", nghĩa là lấy tù nhân trông nom việc cày cấy ruộng công của nhà nước.

Nhà Hồ (1400-1407) đưa ra chánh sách *hạn danh điền* để hạn chế ảnh hưởng của công thần nhà Trần. Nhà Hồ còn thực hiện chánh sách ***cải cách ruộng đất đầu tiên*** khi đặt ra điều lệ tái phân phối đất đai từ Đại vương, Công chúa cho đến thứ dân, đồng thời tập trung ruộng đất vào tay nhà nước.

Nhà Hậu Lê (1428-1527) thi hành chánh sách "*trọng nông*". Nhà nước cho thành lập chế độ "*quân điền*" ở các xã để đôn đốc khôi phục lại các ruộng bỏ hoang để tăng gia thu thuế thu nhập nhà nước. Ngoài ra còn lập thêm chức quan *Khuyến nông* ở cấp tỉnh và huyện để đôn đốc sản xuất nông nghiệp.

Nhà Trịnh – Nguyễn (1533-1785): Nhà Mạc dùng chế độ "*lộc điền*", đem ruộng công, ruộng chùa cấp cho binh lính hầu thu phục sự ủng hộ của phe quân nhân. Ở *Đàng Ngoài* không có chương trình mới khuyến khích nông dân sản xuất do sự tranh quyền giữa họ Trịnh và nhà Lê, nhưng ấn định thuế điền thổ rất chặt chẽ; trong khi *Đàng Trong*, chúa Hiền lập *Ty Khuyến Nông* để thúc đẩy công cuộc khẩn hoang và phân hạng ruộng đất để trồng trọt và đánh thuế.

Nhà Tây Sơn (1786-1802): Vua Quang Trung ban bố *Chiếu Khuyến Nông* đề ra những biện pháp tích cực và thực tế để tăng gia sản xuất nông nghiệp và nhân khẩu. Sau 4 năm (1793), "*mùa màng trở lại phong đăng năm phần mười trong nước trở lại cảnh thái bình*".

Nhà Nguyễn (1802-1884) đặc biệt chú trọng đến lễ *Tịch Điền* nên lập ra *Sở Tịch Điền* để phụ trách hội lễ này. Nhà Nguyễn rất quan tâm đến công cuộc khai hoang và tiếp tục chánh sách dinh điền để di dân lập ấp, có công lớn trong ***công tác khẩn hoang Đồng bằng sông Cửu Long***, qua sự phối hợp hữu hiệu giữa chính trị, quân sự, kinh tế và văn hóa.

Tóm lại, trong suốt thời kỳ Bắc thuộc (179 tr CN – 938) đến thời kỳ Độc lập (939 – 1884), Nhà nước không có tổ chức quản lý và giáo dục hữu hiệu để hỗ trợ hướng dẫn nông dân tăng gia sản xuất nông nghiệp, mà chỉ bóc lột sức lao động của họ để có lợi cho chế độ, bè nhóm và bản thân. Cho nên, chỉ có diện tích đất canh tác tăng gia, còn năng suất ngưng đọng. Mãi đến cuối thời vua Tự Đức (1829-1883), ngày 14-10-1871, ông Nguyễn Trường Tộ làm bảng điều trần về việc nông chính: "*Chấn hưng nông nghiệp: đặt nông quan (lấy các Cử nhân, Tú tài cho chuyên học tập về nông chánh) và các sở chuyên môn để cải lương cách làm ruộng, khai khẩn ruộng đất bỏ hoang; kinh lý việc dẫn thủy nhập điền*" (Dương Quảng Hàm, 1941). Tiếc thay vua Tự Đức không có ý chí quả quyết của nhà lãnh đạo tài ba, triều đình có nhiều quan lại với đầu óc thủ cựu hơn nghinh tân, nên tất cả các bản điều trần của ông Nguyễn Trường Tộ và những nhà cải cách khác không được thi hành! Đất nước phải chờ đến thời Pháp Thuộc, các kỹ thuật khoa học tân tiến mới được du nhập và áp dụng; nhờ đó, nền nông nghiệp bắt đầu lột xác tiến bộ mau lẹ.

2- Tổ chức quản lý nông nghiệp thời Pháp Thuộc (1884-1954)

Những cố gắng tăng gia sản xuất nông nghiệp của thực dân, đặc biệt lúa gạo tại Việt Nam trong thời kỳ Pháp thuộc chủ yếu nhằm phục vụ quyền lợi người Pháp và các cộng sự viên của họ, trong lúc đa số quần chúng nông thôn vẫn phải làm việc vất vả nghèo khó. Ở Miền Nam, người Pháp khuyến khích công tác khẩn hoang với các biện pháp hỗ trợ nhà nước đô hộ, như cho vay lãi suất nhẹ, miễn thuế, cấp quyền sở hữu ruộng đất sớm; nhằm tăng gia sản xuất lúa gạo để xuất khẩu. Chương trình này đã đạt được thành quả lớn, diện tích và sản lượng lúa tăng gia đáng kể; nhưng phần lớn đất đai khai khẩn rơi vào tay giới quyền lực và giàu có. Ở Miền Bắc, dân cư đông đảo nhưng đất đai hạn hẹp nên những nỗ lực phát triển vùng này của Pháp chỉ nhằm tránh nạn đói tương lai. Do đó, xã hội bấy giờ xuất hiện những tầng lớp giai cấp rõ rệt như: đại phú nông, trung nông, tiểu nông, và tá điền nghèo khó bị bóc lột.

Ngay buổi đầu, bên cạnh các tham vọng tiêu cực của chánh sách đô hộ, người Pháp đưa ý niệm khoa học và kỹ thuật vào ứng dụng trong các sinh hoạt hàng ngày của đất nước. Riêng nông nghiệp, họ thành lập ngành khảo cứu để cải tiến hoạt động sản xuất nông nghiệp nói chung ngành lúa gạo nói riêng, và giới thiệu lần đầu tiên các kỹ thuật tân tiến như phân hóa học, thuốc sát trùng sát khuẩn, thuốc diệt cỏ, giống cải thiện, nông cơ, nông cụ, phương pháp phân tích khoa học... vào xã hội Việt Nam để tăng gia sản xuất và nâng cao năng suất lúa và hoa màu còn quá thấp. Trong gần một thế kỷ xâm lược, năng suất lúa tăng nhanh gần gấp đôi so với thời gian 9 thế kỷ Độc Lập trước đó (0,5 lên 1,2 t/ha), từ 1,2 t/ha lúc Pháp tấn công thành Gia Định năm 1859 tăng lên gần 2 t/ha vào cuối thập niên 1950 (1). Đến năm 2015, năng suất bình quân cả nước đạt đến 5,7 t/ha.

Hệ thống quản lý nông nghiệp ở Việt Nam trong thời Pháp Thuộc được thực hiện tùy theo bộ máy cai trị được Pháp thiết lập. Các cơ quan đầu tiên được thực hiện ở Nam Kỳ, sau đó dần dần áp dụng cho toàn Đông Dương, gồm Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ, Cao Miên và Lào. Cơ quan quản lý ngành được thiết lập chung cho Đông Dương và cũng có cơ quan quản lý riêng cho từng Kỳ, khu vực; trong khi vẫn tiếp tục sử dụng hệ thống quản lý làng xã và tầng lớp cường hào, địa chủ để cai trị. Những tài nguyên được Pháp chú ý trước hết là lúa gạo và gỗ rừng, tiếp theo cây cao su, cây công nghiệp như cà phê, trà, cây có dầu, dâu tằm...

Hệ thống cai trị của Pháp (2) gồm có *Toàn Quyền* thay mặt chính phủ Pháp cai trị Đông Dương về mọi mặt. Dưới Toàn Quyền là Thống Đốc Nam Kỳ, Thống Đốc Bắc Kỳ, Khâm Sứ Trung Kỳ, Lào, Cao Miên. Cơ quan quyền lực tối cao là *Hội đồng tối cao Đông Dương*, mà Chủ Tịch là Toàn Quyền và các ủy viên đều là người Pháp, chỉ có hai người VN đại diện cho bản xứ. Trong số ủy viên Hội đồng có Giám đốc các công sở, viên quan đứng đầu 5 xứ, ***Chủ sự các Phòng Thương Mãi và Canh Nông***.

Ở Nam Kỳ, Trung Kỳ và Bắc Kỳ có bộ máy cai trị riêng. Ở Nam Kỳ có Phòng Canh Nông thành lập 1897 để quản lý nông nghiệp. Ở Trung Kỳ có đại diện của Phòng Thương mại và Canh nông Đông Dương, ở Bắc Kỳ có hai Phòng Thương mại và Canh Nông ở hai thành phố Hà Nội và Hải Phòng. Về sau Pháp cải tổ thành lập các Tổng nha, Sở cho toàn Đông Dương và Nha ở các xứ cùng với các ngành ở cấp tỉnh. Năm 1900, thành lập *Tổng nha Nông nghiệp và Thương mại Đông Dương*, năm 1901 đổi thành *Tổng nha Nông nghiệp, Rừng và Thương mại*, và *Sở Tổng Thanh tra nông, lâm, mục*.

Ở cấp Kỳ, quản lý nông nghiệp thuộc Sở: Sở Canh nông, Sở Thú y (gồm cả chăn nuôi), Sở Thủy lâm. Ở cấp tỉnh có Ty Canh nông, Ty Thú y, Ty Thủy lâm trực thuộc

Công sứ; Các nhân viên của Ty, Trung tâm trực thuộc trung ương. Hệ thống quản lý này còn được tiếp tục ở Miền Nam Việt Nam cho đến 1975 với chút ít thay đổi.

Về thủy lợi, Pháp thành lập các *Ty Nông giang* quản lý từ hệ thống hoặc công trình thủy nông ở từng vùng, cũng có khi là các Khu Thủy nông. Đứng đầu ngành công chính Đông Dương là Tổng Thanh tra Công chính. Ở mỗi Kỳ có Tổng nha công chính riêng. Ở Bắc Kỳ có 5 sở (Sở trị thủy, hộ đê, nghiên cứu và bảo dưỡng). Tổng nha Công chính Trung Kỳ có 4 sở (2 sở cầu đường và 2 sở thủy nông). Ở Nam Kỳ không có Tổng nha Công chính Nam Kỳ, nhưng có Tổng nha Thủy nông và Giao thông phụ trách nghiên cứu và xây dựng thủy nông và giao thông trên sông ở Nam Kỳ và Cao Miên.

3- Tổ chức quản lý nông nghiệp từ 1954- 2015

Thời kỳ 1954-1975:

Miền Nam thừa kế di sản tổ chức ngành nông nghiệp của thời Pháp Thuộc với một ít thay đổi theo nhu cầu hoạt động. Sự quản lý nông nghiệp được thực thi từ Bộ Canh Nông qua các Nha, Sở và Ty – Trung tâm địa phương. Các Nha gồm có Nha Canh Nông, Nha Thủy Lâm, Nha Thú Y, Nha Thủy Nông, Nha Khuyến Nông, Nha Khảo Cứu và Sưu tầm nông lâm súc, Nha Ngư Nghiệp, Nha Nông Cơ, và Hợp Tác Xã & Hiệp Hội Nông Dân. Riêng ngành Khảo cứu đã được phát triển rất sớm trong thời Pháp thuộc từ 1866. Năm 1968, *Viện Khảo cứu nông nghiệp* được thành lập từ sáp nhập 3 cơ quan: Nha Khảo Cứu và Sưu tầm nông lâm súc, Thảo cầm viên và Thư viện.

Cơ sở Bộ Canh Nông thời Việt Nam Cộng Hòa nằm góc đường Phan Thanh Giản (nay Điện Biên Phủ) và Nguyễn Bình Khiêm, Sài Gòn, thay đổi nhiều tên tùy theo thời cuộc (Hình 1). Trong thời Đế nhứt Cộng Hòa, Bộ có tên: Bộ Canh Nông, Bộ Cải Tiến Nông thôn; trong Đế Nhị Cộng Hòa có tên Bộ Canh Nông, Bộ Cải Cách Điền Địa, rồi trở lại Canh Nông, Bộ Cải cách Điền Địa và Phát Triển Nông Ngư Nghiệp, Bộ Cải Cách Canh Nông và Ngư Nghiệp. Năm 1967, *Bộ Cải Cách Điền Địa và Canh Nông* gồm có Tổng Nha Nông Nghiệp, Tổng Nha Điền Địa. Dưới Tổng Nha là các Nha có Sở và các Ty, Trung tâm khảo cứu địa phương. Năm 1973, sau khi chương trình Cải cách ruộng đất chấm dứt, Bộ đổi tên *Bộ Cải cách Canh nông và Ngư nghiệp*. Ngoài ra, ngày 8-12-1973, Chính phủ thành lập *Tổng cục thực phẩm quốc gia* thay thế Tổng cục tiếp liệu (General supply Agency) trực thuộc Bộ Thương Mại và Kỹ Nghệ đặc trách thu mua, tồn trữ và phân phối gạo và thực phẩm khác ở Miền Nam Việt Nam – B.S. Trần Quang Minh đứng đầu cơ quan này.

Các vị Tổng Trưởng đứng đầu quản lý ngành nông nghiệp tại Miền Nam Việt Nam từ 1954 – 1975 lần lượt như sau (Liên lạc cá nhân với quý Ông Thái Công Tụng, Phạm Thanh Khâm và Lê Văn Ngọc ngày 1-5-2016 và theo tài liệu của Nguyễn Hữu Chung trong báo Kinh Doanh tháng 8/1999):

1. Phan Khắc Sửu, Bộ Trưởng Canh Nông (CP Bảo Đại bổ nhiệm từ 1949, không bao lâu Ông từ chức; CP Ngô Đình Diệm cũng bổ nhiệm Ông từ 1954, không bao lâu Ông từ chức).

2. Nguyễn Công Viên, Bộ Trưởng Canh Nông (CP Ngô Đình Diệm bổ nhiệm từ 29/10/1955).

Kế đó, **Trần Lê Quang,** Bộ Trưởng Cải Tiến Nông Thôn.

3. Lê Văn Đồng, Tổng Trưởng Canh Nông (1960-62).

4. Trần Lê Quang, Bộ Trưởng Cải Tiến Nông Thôn (CP Nguyễn Ngọc Thơ tiếp tục bổ nhiệm Ông từ 4/11/1963).

5. Nguyễn Công Hầu, Bộ Trưởng Cải Tiến Nông Thôn (CP Nguyễn Khánh bổ nhiệm từ ngày 8/2/1964).

6. Ngô Ngọc Đối, Bộ Trưởng Cải Tiến Nông Thôn (CP Trần Văn Hương bổ nhiệm từ ngày 4/11/1964).

7. Nguyễn Ngọc Tố, Bộ Trưởng Canh Nông (CP Phan Huy Quát bổ nhiệm từ ngày 16/2/1965).

8. Lâm Văn Trí, Ủy viên Canh Nông (CP Nguyễn Cao Kỳ bổ nhiệm từ ngày 19/6/1965).

9. Tôn Thất Trình, Tổng Trưởng Cải Cách Điền Địa và Canh Nông (CP Nguyễn Văn Lộc bổ nhiệm từ ngày 9/11/1967).

10. Trương Thái Tôn, Tổng Trưởng Cải Cách Điền Địa và Canh Nông (CP Trần Văn Hương bổ nhiệm từ ngày 25/5/1968).

11. Cao Văn Thân, Tổng Trưởng Cải cách Điền Địa và Phát Triển Nông Ngư Nghiệp (CP Trần Thiện Khiêm bổ nhiệm từ ngày 1/9/1969).

12. Tôn Thất Trình, Tổng Trưởng Cải cách Canh nông và Ngư nghiệp (1973-74).

13. Nguyễn Văn Hào, Phó Thủ tướng đặc trách phát triển kinh tế kiêm chức vụ Bộ Trưởng Bộ Canh nông và Kỹ nghệ (CP Nguyễn Bá Cẩn bổ nhiệm từ ngày 14/4/1975) (Thứ Trưởng Đoàn Minh Quan).

Miền Bắc với thể chế mới sau khi đất nước bị phân chia hai Miền Bắc – Nam năm 1954, ngành nông nghiệp được tổ chức lại cho phù hợp với chế độ nên có nhiều cơ quan nông nghiệp mới được thiết lập và hầu hết các cơ quan cũ được thay đổi tên (2):

1955: Thành lập Bộ Nông Lâm, Viện Khảo cứu nông lâm, Bộ Thủy lợi, Tổng công ty Lương thực.

1957: Viện Khảo cứu nông lâm trở thành Viện Khảo cứu trồng trọt và Viện Khảo cứu chăn nuôi.

1960: Bộ Nông Lâm được phân chia thành 4 tổ chức: Bộ Nông Nghiệp, Bộ Nông Trường, Tổng Cục Lâm Nghiệp và Tổng Cục Thủy Sản.

1961: Thành lập Bộ Nông Trường, Bộ Thủy lợi và Điện lực, năm 1962 trở thành Bộ Thủy Lợi.

1963: Thành lập Trường Đại Học Nông Nghiệp và Viện Khoa Học Nông Nghiệp thuộc Bộ Nông Nghiệp.

1967: Thành lập Trường Đại Học Nông Nghiệp II (từ Trung học Kỹ thuật trung ương) và Trường Đại Học Nông Nghiệp trở thành Trường Đại Học Nông Nghiệp I.

1969: Thành lập Bộ Lương Thực và Thực Phẩm do hợp nhất Tổng cục Lương thực và ngành Công nghiệp biến chế thực phẩm từ Bộ Công nghiệp nhẹ.

Thời kỳ 1976-2015 (2):

1976: Thành lập Bộ Nông Nghiệp, Bộ Nông Trường, Bộ Lâm Nghiệp, Bộ Hải Sản, giữ nguyên Bộ Thủy Lợi, Bộ Lương Thực và Thực Phẩm.

1976: Ủy ban nông nghiệp tỉnh, thành phố đổi thành Ty, Sở nông nghiệp tỉnh, thành phố.

1978: Thành lập Ủy ban sông Mê Kông của Việt Nam, Trường Cao Đẳng Lâm Nghiệp Miền Nam (Đồng Nai) thuộc Bộ Lâm Nghiệp.

1980: Thành lập Trường Cao Đẳng Nông-Lâm Nghiệp Huế.

1981: Thành lập Bộ Lương Thực và Bộ Công Nghiệp Thực Phẩm.

1983: Thành lập Viện Nghiên cứu và Nuôi trồng thủy sản I, II và III (2004) trực thuộc Bộ Thủy Sản.

1985: Thành lập Trường Đại học Nông-Lâm thành phố HCM, do Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp quản lý.

1987: Thành lập Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm.

Thành lập Tổng Công ty Lương thực trung ương.

1988: Thành lập Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam trực thuộc Bộ Lâm Nghiệp.

1993, 1996 và 2000: Thành lập Cục Khuyến nông, Cục Khuyến lâm, Trung tâm Khuyến ngư trung ương.

1995: Thành lập Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn do hợp nhất 3 Bộ: Nông Nghiệp, Lâm Nghiệp và Thủy Lợi.

Thành lập Tổng Công ty lương thực miền Nam và Tổng Công ty lương thực miền Bắc.

2005: Thành lập Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam.

2007: Bộ Thủy sản sáp nhập vào Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4- Tổ Chức Nghiên Cứu và Đào Tạo Chuyên Viên Nông Nghiệp

Đến giữa thế kỷ XIX, nông dân Việt Nam vẫn còn canh tác, chăn nuôi và đánh bắt cá tôm theo phương pháp cổ truyền dựa vào kinh nghiệm dân gian, có tính cách quảng canh, sử dụng nhiều lao động, với năng suất thấp kém. Trong nước, chưa có một cơ quan khảo cứu và đào tạo chuyên viên hoặc huấn luyện nông dân trong ngành nông, lâm, ngư, mục; trong khi đó, kiến thức khoa học và kỹ thuật Tây phương phát triển mạnh liên tục từ thế kỷ XVIII được thế giới áp dụng vào mọi lãnh vực, gồm cả nông nghiệp.

Sau khi chiếm 3 tỉnh Miền Đông Nam Kỳ (1862), người Pháp chú ý ngay ngành nông nghiệp. Họ ra nghị định thành lập *Vườn Bách Thảo* năm 1864. Năm sau thành lập *Hội Nông Nghiệp và Kỹ Nghệ Nam Kỳ*. Hai năm sau (1866), *Hội đổi thành Hội Nghiên Cứu Đông Dương* tại Sài Gòn (*Société des Études Indochinoises de Saigon*), chỉ nhằm cung cấp kiến thức nông nghiệp cho những người khai thác trồng trọt. Tiếp theo, một số cơ sở lần lượt ra đời tại Sài Gòn: *Nha Canh Nông và Thương Mại Đông Dương* (*Direction de l'Agriculture et du Commerce de l'Indochine*) (1898), *Nha Canh Nông Nam Kỳ* (*Direction de l'Agriculture de la Cochinchine*) (1899), *Phòng Thí Nghiệm Phân Tích Hóa Học Nông Nghiệp và Kỹ Nghệ* (*Laboratoire d'analyses chimiques, agricoles et industrielles*) (1898), *Sở Khí Tượng* (*Service météorologique*)... Các cơ quan này có nhiệm vụ nghiên cứu, giải quyết những vấn đề kỹ thuật cho công tác khai thác ĐBSCL (1).

Ngoài lúa gạo, người Pháp đặc biệt quan tâm đến các loại cây công nghệ như cao su, cà phê, trà, cây có dầu và các đồng cỏ để chăn nuôi (Dumont, 1995). Vài thí nghiệm

về phương pháp canh tác và tuyển chọn giống lúa được thực hiện trong giai đoạn này (Angladette, 1966). Chẳng hạn, người Pháp du nhập giống lúa Miến Điện để trồng thử vào năm 1888 tại tỉnh Mỹ Tho. Kết quả cho thấy giống lúa Miến Điện cho năng suất cao trên vùng đất cao, nhưng không thích hợp với các vùng đất thấp. Vào năm 1893, họ trồng thử một lần nữa, nhưng thất bại vì lúa giống đem về quá muộn và không được tuyển chọn kỹ lưỡng. Các chuyên gia Pháp nhận thấy du nhập lúa giống không đem đến kết quả tốt cho ĐBSCL, nên họ chuyển hướng chú trọng nhiều hơn vào **tuyển lựa giống trong nước**. Cuộc **lai tạo giống đầu tiên** trong ngành lúa gạo được thực hiện vào năm 1917 tại Trung tâm thí nghiệm lúa Cần Thơ, giữa 2 giống lúa Tàu Hương và Carolina du nhập từ Java, Indonesia (Carle, 1927).

4.1. Viện Khảo Cứu Nông Học

Tại Miền Bắc, ba Trại Thí Nghiệm của Sở Canh Nông Hà Nội được thành lập vào 1904 ở Phú Thy (tỉnh Hưng Yên) cho vùng Châu Thổ và tại Thanh Ba và La Phổ (tỉnh Phú Thọ) cho vùng Trung du để nhằm phục vụ xuất khẩu các cây kỹ nghệ (Dumont, 1995). Ở miền Nam có Trại thí nghiệm cây ăn trái ở Bàu Cá, cây thuốc lá ở Hớn Quản và cây cao su ở Xã Trạch (Capus, 1918). Tuy nhiên, công tác nghiên cứu còn rải rác thiếu sự điều hợp. Cho nên, *Viện Khoa Học Đông Dương* được thành lập tại Sài Gòn và sau đó trở thành *Viện Khảo Cứu Nông Học* vào năm 1919, trong đó có *Phòng Thí Nghiệm Di Truyền và Tuyển Chọn Lúa*. Vào 1924, Viện trở thành *Viện Khảo Cứu Nông Học và Lâm Nghiệp Đông Dương* (Dumont, 1995) đặt trực thuộc Tổng Thanh Tra Nông Lâm Súc, gồm có phòng thí nghiệm hóa học, côn trùng học, vi khuẩn học, di truyền học, thực vật bệnh học, kỹ thuật lâm học... Viện này được tiếp tục hoạt động cho đến khi thực dân chấm dứt. Sau đó, Viện đổi tên *Viên Khảo Cứu Nông Nghiệp* cho đến năm 1975 (Hình 2). Viện có 5 Trung tâm: Trung tâm nghiên cứu Nông nghiệp Nha Hố, Ninh Thuận; Trung tâm nghiên cứu Nông nghiệp Eakmak, Ban Mê Thuộc; Trung tâm nghiên cứu Nông nghiệp Dĩ An, Biên Hòa; Trung tâm nghiên cứu Nông nghiệp Bình Đức, An Giang; và Trung tâm nghiên cứu Lúa Hiệp Hòa, Biên Hòa.

Sau 1975, Viện được đổi tên 3 lần với cơ sở tân tạo (3):

1977: Bộ Nông Nghiệp đổi tên *Viện Khoa học Nông nghiệp phía Nam* thành *Viện Kỹ thuật Nông Nghiệp miền Đông Nam bộ*.



Hình 2: (1) Viện Khảo Cứu Nông Nghiệp (2) Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp miền Nam (3)

1981: Hợp nhất cơ sở II của *Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam* và *Viện Kỹ thuật Nông Nghiệp miền Đông Nam bộ* thành *Viện Kỹ thuật Nông nghiệp miền Nam*.

1998 cho đến nay: Viện có tên **Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp miền Nam** (IAS: Institute of Agricultural Sciences for Southern Viet Nam) (Hình 2).

4.2. Các trường Nông, Lâm và Súc

Nền giáo dục nông lâm chỉ bắt đầu trong thời Pháp thuộc. Bên cạnh các phòng, viện và cục nghiên cứu và sản xuất, người Pháp đã thiết lập các trường nông lâm để đào tạo chuyên viên phục vụ nhà nước cai trị và các ngành khảo cứu để tăng gia sản xuất trong nước (1):

- *Trường Thú Y Đông Dương:* Năm 1904, Pháp mở ngành đào tạo thú y tại Việt Nam để phòng chống dịch bệnh gia súc và kiểm tra thú sản. Đến năm 1910, Ban Thú y của Trường Y Khoa Hà Nội và bệnh xá Thú y được cải biến thành Trường Thú Y Bắc Kỳ. Năm 1917 cải tổ thành Trường Thú Y Đông Dương.
- *Trường Cao Đẳng Nông Lâm Hà Nội* thành lập năm 1918, với thời gian học 2 năm rưỡi và một khóa thực hành 9 tháng tại các sở nông lâm hay các đồn điền tư nhân.
- *Trường Canh Nông Thực Hành Tuyên Quang* thành lập năm 1918 nhằm đào tạo các nhà trồng trọt bản xứ hoặc phụ giúp các chuyên viên châu Âu.
- *Trường Nông Lâm Thực Hành Bến Cát* thành lập từ 1917 có mục tiêu như trường Tuyên Quang, nhưng ít người theo học vì khó tìm việc làm. Năm 1926 trường đổi thành Trại Nông Nghiệp dành đào tạo những giám thị canh tác cho đồn điền.

Sau Hiệp định Genève năm 1954, Học viện Nông Lâm được thành lập ở Miền Bắc và Trường Quốc Gia Nông Lâm Mục Blao (Bảo Lộc) được thành lập tại Miền Nam do Nghị định 112 BCN/NĐ ngày 19-11-1955 (Hình 3). Trường Blao đào tạo ba ngành nông, lâm, súc ở hai cấp bậc: **cấp Cao đẳng Nông Lâm Mục** đào tạo Kỹ sư dành cho sinh viên đã học hết chương trình Trung học trong 3 năm cho 4 khóa đầu tiên, và 4 năm kể từ khóa 5 về sau. **Cấp Trung đẳng Nông Lâm Mục** đào tạo Kiểm sự dành cho học sinh đậu bằng Trung học đệ nhứt cấp (hết lớp 9), Trung học phổ thông hoặc tương đương, với thời gian học 3 năm. Cấp Huấn sự với thời gian học một năm. Ngoài ra, còn có thêm các khóa học chuyên ngành theo mùa tùy nhu cầu, như đào tạo các kỹ thuật viên cải cách điền địa, hợp tác xã, trồng hoa, chăn nuôi... Trường trực thuộc Nha Học Vụ Kỹ Thuật và Thực Hành Canh Nông, Bộ Canh Nông. Khóa đầu tiên Trung cấp khai giảng ngày 12-12-1955 và khóa 1 Cao Đẳng ngày 19-11-1959 (4).



Trường Quốc Gia NLM Blao

4.3. Lịch sử và tiến trình phát triển Trường Cao Đẳng Nông Lâm Súc Sài Gòn

Do Nghị Định 1184/GD/TC ngày 24-8-1963, cấp Cao Đẳng của Trường Quốc Gia Nông Lâm Mục Blao được đổi tên **Trường Cao Đẳng Nông Lâm Súc Sài Gòn** (CĐNLS), cấp Trung Đẳng trở thành **Trường Trung Học Nông Lâm Súc Bảo Lộc**. Trường CĐNLS hoạt động được một năm ở Bảo Lộc phải di dời về Sài

Gòn từ năm 1961 vì gặp nhiều khó khăn do chiến tranh gây ra. Khóa 5 của Trường (NLS-5) bắt đầu khai giảng năm thứ nhứt tại Sài Gòn. Lúc đó, Trường chưa có cơ sở chính thức, phải tạm dùng **Nha Học Vụ Kỹ Thuật và Thực Hành Canh Nông** mà

Bác Sĩ Đặng Quan Điện (mất 2008) làm Giám Đốc Nha kiêm nhiệm Giám Đốc Trường Cao Đẳng Sài Gòn làm trụ sở chính của Trường.

Do đó, từ Khóa 1 đến Khóa 5 sinh viên phải đi học nhiều nơi (Trường Đại học Khoa Học, Viện Khảo Cứu, Viện Di Truyền, Viện Pasteur, Thảo Cầm Viên...), riêng Khóa 5 theo học đa số thời gian tại Lớp SPCN (Sciences, physiques, chimiques et naturelles) thuộc Đại học Khoa học, gần trường Trung học Trương Vĩnh Ký trên đường Cộng Hòa (nay đường Nguyễn Văn Cừ). Còn các môn học đại cương dành cho 3 ngành Nông-Lâm-Súc học chung và môn học Anh ngữ được tổ chức tại cơ sở tạm thời. Năm thứ 2, lớp học được dời đến trường mới. Đó là thành Cộng Hòa cũ với 3 tầng lầu trên Đại lộ Cường Để (bây giờ là Đinh Tiên Hoàng).

Cơ sở Trường CĐNLS có hai nhánh, chính giữa là Đại lộ Cường Để: nhánh trái nhìn từ Đại lộ Thống Nhất (bây giờ là ĐL Lê Duẩn) dành cho khu hành chánh, thư viện và phòng thí nghiệm, xa bên trong là khu cư xá sinh viên, bên trái là Quán cơm trưa xã hội và Hợp tác xã sinh viên, bên phải là cư xá của vài nhân viên trường (như Ông Nguyễn Phối Lưu); nhánh phải là những lớp học và sinh hoạt sinh viên, kể bên *Đài Truyền hình VN* (Hình 4). Đối diện với trường CĐNLS là trường Đại học Nha Dược (đối diện khu Hành chánh NLS) và trường Đại học Văn Khoa (đối diện với nhánh lớp học). Hiện nay, khu trường CĐNLS không còn nữa do bị phá hủy và thay thế bằng tòa building cao 8 tầng: *Trường Quản lý Cán bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn 2* thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, và nhánh bên kia là *Đài Truyền hình Thành phố*.



Cơ sở Trường Nông Lâm Súc Sài Gòn

Trong hơn nửa thế kỷ qua, Trường đã thay đổi tên 7 lần và trải qua những giai đoạn trường thành lớn mạnh như sau (4):

Nghị Định 112-BCN/NĐ ngày 19-11-1955, **Trường Quốc Gia Nông Lâm Mục Blao** được thành lập.

Nghị Định 1184/GD/TC ngày 24-8-1963, cấp Cao Đẳng được đổi tên: **Trường Cao Đẳng**

Nông Lâm Súc Sài Gòn; cấp Trung Đẳng được cải biến thành **Trường Trung Học Nông Lâm Súc Bảo Lộc**.

Sắc Lệnh 158/SL/VHGD/TN ngày 9-11-1968, trường Cao Đẳng Nông Lâm Súc đổi tên **Trung Tâm Quốc Gia Nông Nghiệp** thuộc Bộ Văn Hóa, Giáo Dục và Thanh Niên, gồm trường Cao Đẳng Nông Nghiệp, Cao Đẳng Thú Y và Chăn Nuôi và Cao Đẳng Thủy Lâm. Mỗi trường do một Giám Đốc điều khiển.

Sắc Lệnh 174/SL/GD ngày 29-11-1972, Trung Tâm Quốc Gia Nông Nghiệp đổi tên **Học Viện Quốc Gia Nông Nghiệp** với 3 ngành nêu trên. Trường gồm trường Cao Đẳng Nông Nghiệp, Cao Đẳng Thú Y và Chăn Nuôi và Cao Đẳng Thủy Lâm và cơ sở khảo cứu; Viện có Viện Trưởng, một Phó Viện Trưởng và một Tổng thư ký. Bên cạnh Viện trưởng có Hội đồng tư vấn và Hội đồng viện.

Sắc lệnh 010/SL/VH/GDTN ngày 11-1-1974, Học Viện Quốc Gia Nông Nghiệp, Học Viện Quốc Gia Kỹ Thuật và Ban Cao Đẳng Sư Phạm Kỹ Thuật được sáp nhập vào Viện Đại Học Bách Khoa Thủ Đức. Học Viện Quốc Gia Nông Nghiệp đổi tên trường **Đại Học**

Nông Nghiệp, gồm 5 ngành chuyên môn: Nông Khoa, Lâm Khoa, Súc Khoa, Ngư Nghiệp và Kỹ Thuật Nông Nghiệp.

Từ 8-12-1976, Đại Học Nông Nghiệp đổi tên **Đại Học Nông Nghiệp IV**.

Năm 1985, Trường Cao Đẳng Lâm nghiệp Trảng Bom sáp nhập vào Đại Học Nông Nghiệp IV và đổi tên **Đại Học Nông Lâm Thành Phố HCM** trực thuộc Bộ Giáo Dục và Đào Tạo. Năm 1995, Đại Học Nông Lâm Thành Phố HCM sáp nhập vào Đại Học Quốc Gia Thành Phố. Từ 2000 đến nay, Đại Học Nông Lâm Thành Phố HCM tách khỏi Đại Học Quốc Gia Thành Phố HCM và trực thuộc Bộ Giáo Dục và Đào Tạo.

Trong thời Đổi Mới và kinh tế thị trường, Trường Đại Học Nông Lâm Thành Phố có quá nhiều tham vọng; cho nên Trường mở thêm một số ngành nghề không liên quan trực tiếp đến nông nghiệp. Hiện nay, Trường có cơ sở khang trang tại Quận Thủ Đức. Năm 2008, Trường có đến 12 Khoa – 6 Bộ Môn, 14 Trung tâm, 1 Viện, và 2 Phân Viện Đại Học Nông Lâm tại Gia Lai và Ninh Thuận; với 650 cán bộ giảng dạy, 22.740 sinh viên, trong đó có độ 6.000 sinh viên nông nghiệp. Thời gian học: 5 năm cho Thú y, 4 năm cho các ngành nông nghiệp khác, 3 năm cho ngành Cao Đẳng Tin Học và Cao Đẳng Kế Toán, sau Đại Học 2-3 năm cho bằng Thạc Sĩ (8). Có lúc Trường muốn xin trở thành một Đại Học Bách Khoa!

[Phân Khoa: Khoa Nông học, Khoa Chăn nuôi thú y, Khoa Công nghệ Thông tin, Khoa Lâm nghiệp, Khoa Kinh tế, Khoa Cơ khí công nghệ, Khoa Thủy sản, Khoa Công nghệ thực phẩm, Khoa Công nghệ môi trường, Khoa Ngoại ngữ, Khoa Khoa học, và Khoa Quản lý đất đai & Bất động sản.

***Bộ môn:** Bộ Môn Công nghệ sinh học, Bộ môn Lý luận chính trị, Bộ môn Cảnh quan & Kỹ thuật hoa viên, Bộ môn Sư phạm kỹ thuật nông nghiệp, Bộ môn Công nghệ hóa học, và Bộ môn Thông tin địa lý.*

***Trung tâm:** Trung Tâm Nghiên cứu Chuyển giao khoa học kỹ thuật (trước đây là Trung Tâm Ứng dụng KHKT Nông Lâm Ngư), Trung Tâm Ngoại ngữ, Trung tâm Tin học Ứng Dụng, Trung tâm Phân tích Thí nghiệm Hóa sinh, Trung tâm Nghiên cứu Bảo vệ Môi trường, Trung tâm Nghiên cứu Bảo quản và Chế biến Rau quả, Trung tâm Nghiên cứu Ứng dụng Kỹ thuật Địa chính, Trung tâm Nghiên cứu Khoa học và Kỹ thuật Chế biến Lâm sản, Trung tâm Bồi dưỡng Kiến thức, Trung Tâm Bột Giấy, Trung Tâm Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp, Trung Tâm Khảo thí và kiểm định chất lượng, Trung tâm Năng lượng và máy nông nghiệp, và Trung Tâm Công Nghệ và Thiết bị nhiệt lạnh.*

Viện Nghiên cứu Sinh hóa và Môi trường.]

Trần Văn Đạt, Ph.D

Tài Liệu Tham Khảo:

Trần Văn Đạt. 2010. Lịch sử trồng lúa Việt Nam. NXB 5 stars Printing Company, 489 trang.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. 2015. 70 năm nông nghiệp Việt Nam. NXB Lao động, 607 trang.

Dương Quảng Hàm. 1941. Việc canh tân, Nguyễn Trường Tộ và chương trình cải cách của ông. Việt Nam Văn Học Yếu Sử. Institute de l'Asie Sud-Est, XIV: 346-354.